TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TRẦN ĐỀ** **TỈNH SÓC TRĂNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 14/2021/DS-ST.
Ngày 30 - 9 -2021
V/v "Tranh chấp hợp đồng tín dụng".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẦN ĐỀ, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hồ Mỹ Xuyên.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Trần Hoàng Việt.

Bà Hà Ngân Kim Tới.

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Ông Thị Cành Nha – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng.

Trong ngày 30 tháng 9 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 71/2021/TLST-DS, ngày 18 tháng 5 năm 2021 về việc "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 23/2021/QĐXXST- DS ngày 05 tháng 7 năm 2021, giữa các đương sự:

* *Nguyên đơn:* Ngân hàng Th; Địa chỉ trụ sở: đường N, quận x, thành phố H. Địa chỉ chi nhánh: đường Tr, phường y, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng.

- *Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn*: Ông Nguyễn Song T. Chức vụ: Trưởng phòng giao dịch Ngân hàng Th – Chi nhánh huyện Tr, tỉnh Sóc Trăng. Địa chỉ: QL N, ấp Đ, thị trấn Tr, huyện Tr, tỉnh Sóc Trăng - Là người đại diện theo uỷ quyền (văn bản uỷ quyền ngày số: 82/GUQ - CNST – STG ngày 26/3/2021 của Giám đốc Ngân hàng Th – Chi nhánh Sóc Trăng *(Có mặt)*.

* *Bị đơn*: Nguyễn Thị Thu Th; Sinh năm: 1983. Địa chỉ: ấp C, thị trấn Tr, huyện Tr, tỉnh Sóc Trăng *(Vắng mặt).*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Trong đơn khởi kiện ngày 26 tháng 3 năm 2021, các lời khai trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa sơ thẩm, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Vào ngày 13/10/2017, Ngân hàng Th - Chi nhánh tỉnh Sóc Trăng – Phòng giao dịch huyện M có ký với bà Nguyễn Thị Thu Th hợp đồng tín dụng vốn lãi

chia đều số LD1728600424. Theo hợp đồng tín dụng vốn lãi chia đều số LD1728600424, Ngân hàng Th - Chi nhánh tỉnh Sóc Trăng – Phòng giao dịch huyện M đã giải ngân cho bà Nguyễn Thị Thu Th vay số tiền là 100.000.000 đồng (Một trăm triệu đồng), với các điều kiện thoả thuận như sau: Thời hạn vay: 60 tháng; Mục đích sử dụng vốn: Tiêu dùng; Phương thức vay: Từng lần; Lãi suất: 8,4%/năm; Tổng số vốn gốc và lãi phải trả: 142.000.000 đồng; Phương thức trả nợ: Vốn gốc và lãi được chia thành nhiều kỳ trả nợ như sau: Số kỳ trả nợ: 60 kỳ, kỳ hạn trả nợ: 01 tháng/kỳ, kỳ trả nợ đầu tiên vào ngày 30/11/2017, các kỳ trả nợ kế tiếp vào ngày: 31 hàng tháng, kỳ trả nợ cuối cùng sẽ được trả vào ngày đáo hạn được quy định tại hợp đồng, số tiền trả mỗi kỳ 2.366.000 đồng, số tiền trả kỳ cuối: 2.406.000 đồng. Sau khi hợp đồng thì bà Nguyễn Thị Thu Th đã thanh toán cho Ngân hàng được số tiền là 89.908.000 đồng, trong đó vốn gốc là 63.308.000 đồng, lãi là 26.600.000 đồng. Từ ngày 31/01/2021 đến nay bà Th không thực hiện trả tiền tiếp cho Ngân hàng, bà Th đã vi phạm nghiêm trọng đến hợp đồng tín dụng để phát sinh nợ quá hạn. Mặc dù, Ngân hàng đã nhiều lần nhắc nhở, tạo điều kiện cho bà Th trả nợ, nhưng bà Th vẫn không thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng. Tính đến ngày 30/9/2021 DL bà Th còn nợ Ngân hàng số tiền là 43.620.582 đồng, trong đó: Tiền gốc là 36.692.000 đồng, tiền lãi trong hạn là 6.300.000 đồng, tiền lãi quá hạn là 628.582 đồng. Do bà Nguyễn Thị Thu Th không thực hiện nghĩa vụ trả vốn, lãi cho Ngân hàng.

Nay Ngân hàng Th yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Nguyễn Thị Thu Th phải có trách nhiệm hoàn trả hết số nợ gốc và lãi phát sinh tại hợp đồng tín dụng số LD1728600424 ngày 13/10/2017 cho Ngân hàng Th số tiền gốc và lãi tính đến ngày 30/9/2021 DL là 43.620.582 đồng, trong đó: Tiền gốc là 36.692.000 đồng, tiền lãi trong hạn là 6.300.000 đồng, tiền lãi quá hạn là 628.582 đồng và tiền lãi phát sinh tính từ ngày 01/10/2021 DL cho đến ngày bà Th trả tất nợ cho Ngân hàng Th theo lãi suất nợ quá hạn là 12,6%/năm.

* Bị đơn là bà Nguyễn Thị Thu Th đã được Tòa án tống đạt thông báo về việc thụ lý vụ án hợp lệ và được thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải theo quy định của pháp luật hợp lệ đến lần thứ hai mà vẫn cố tình vắng mặt, bà Th không gửi văn bản ghi ý kiến của mình cũng như không đến tham gia phiên họp và hòa giải, nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến của bà Th.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Bà Nguyễn Thị Thu Th là bị đơn trong vụ án đã được Tòa án triệu tập tham gia phiên tòa xét xử sơ thẩm hợp lệ đến lần thứ hai mà vẫn vắng mặt

không có lý do, vì vậy Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt bà Th.

[1.2] Theo đơn khởi kiện ngày 26 tháng 3 năm 2021 của Ngân hàng Th thì vào ngày 13/10/2017 giữa Ngân hàng với bà Nguyễn Thị Thu Th có ký kết Hợp đồng tín dụng số: LD1728600424 ngày 13/10/2017, theo đó Ngân hàng cho bà Th vay vốn số tiền là 100.000.000 đồng (Một trăm triệu đồng), để tiêu dùng phục vụ cho đời sống gia đình. Do bà Th vi phạm hợp đồng không trả tiền đúng hạn cho Ngân hàng, nên Ngân hàng Th khởi kiện yêu cầu bà Th phải hoàn trả tiền cho Ngân hàng Th số tiền gốc và tiền lãi là 43.620.582 đồng và tiền lãi phát sinh từ ngày Tòa án xét xử xong vụ án đến khi bà Th trả tất nợ cho Ngân hàng. Hội đồng xét xử xác định quan hệ tranh chấp phát sinh trong vụ kiện này là Tranh chấp Hợp đồng tín dụng là Tranh chấp về dân sự. Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án nhân dân huyện Trần Đề thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền.

[2] Về nội dung vụ án*:*

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày: Sau khi ký kết Hợp đồng tín dụng, Ngân hàng đã giải ngân cho bà Nguyễn Thị Thu Th vay số tiền là 100.000.000 đồng (Một trăm triệu đồng). Bà Nguyễn Thị Thu Th phải thực hiện nghĩa vụ trả gốc, lãi cho Ngân hàng hàng tháng, nhưng bà Nguyễn Thị Thu Th chỉ thanh toán cho Ngân hàng đến ngày 31/01/2021 được số tiền gốc và lãi là 89.908.000 đồng, trong đó tiền gốc là 63.308.000 đồng, tiền lãi là 26.600.000 đồng. Từ đó đến nay thì bà Th không thanh toán tiếp tiền gốc và lãi cho Ngân hàng. Do bà Th vi phạm hợp đồng, nên Ngân hàng Th yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Nguyễn Thị Thu Th phải có trách nhiệm hoàn trả hết số nợ gốc và lãi phát sinh tại hợp đồng tín dụng số LD1728600424 ngày 13/10/2017 cho Ngân hàng Th số tiền gốc và lãi tính đến ngày 30/9/2021 DL là 43.620.582 đồng, trong đó: Tiền gốc là 36.692.000 đồng, tiền lãi trong hạn là 6.300.000 đồng, tiền lãi quá hạn là 628.582 đồng và tiền lãi phát sinh tính từ ngày 01/10/2021 DL cho đến ngày bà Th trả tất nợ cho Ngân hàng Th theo lãi suất nợ quá hạn là 12,6%/năm.

Hội đồng xét xử xét thấy:

Để chứng minh cho việc bà Th vay vốn, Ngân hàng cung cấp cho Tòa án các chứng cứ như: 01 (Một) Văn bản ủy quyền số 81/2021/GUQ-CNST, ngày 26/3/2021 của Ngân hàng Th – Chi nhánh Sóc Trăng (bản chính); 01 (Một) Quyết định số 3977/2020/QĐ-PL của Ngân hàng Th, ngày 28/12/2020 (bản chứng thực); 01 (Một) Hợp đồng cấp tín dụng, số: LD1728600424 ngày 13/10/2017 (bản chứng thực); 01 (Một) Giấy nhận nợ (bản chứng thực), kèm theo bản sao Giấy chứng minh nhân dân và sổ hộ khẩu của bà Nguyễn Thị Thu Th; 01 (Một) Bảng tính lãi tiền vay (bản chính); 01 (Một) Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh (bản chứng thực); 01 (Một) Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần (bản chứng thực); 01 (Một) Quyết định số 2093/2020/QĐ-NS của Ngân hàng Th, ngày 23/4/2020 (bản chứng thực) và các giấy tờ khác có liên quan. Sau khi nhận được đơn khởi kiện của Ngân hàng Th,

Tòa án nhân dân huyện Trần Đề có gửi thông báo về việc thụ lý vụ án về nội dung yêu cầu của Ngân hàng Th và Tòa án đã tống đạt hợp lệ cho bà Nguyễn Thị Thu Th, nhưng bà Th không gửi văn bản ghi ý kiến của mình, không có ý kiến phản đối yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Th.

Xét thấy về hình thức và nội dụng, trình tự thủ tục các văn bản này là phù hợp theo quy định, nên có giá trị làm chứng cứ để chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự. Do vậy, theo đơn khởi kiện của Ngân hàng Th cho rằng bà Th có vay số tiền là 100.000.000 đồng theo Hợp đồng tín dụng số: LD1728600424 ngày 13/10/2017 là phù hợp với thực tế khách quan và có căn cứ pháp luật.

Xét về nội dung: Hợp đồng tín dụng số LD1728600424 ngày 13/10/2017 giữa Ngân hàng Th - Chi nhánh tỉnh Sóc Trăng – Phòng giao dịch huyện M và bà Nguyễn Thị Thu Th xác lập trên cơ sở tự nguyện, về hình thức và nội dung giao kết tại thời điểm xác lập phù hợp theo quy định tại Điều 1, Điều 2 của Thông tư số: 39/2016/TT-NHNN, ngày 30/12/2016 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và mục 3 Phần I của Thông tư liên tịch số: 01/TTLT, ngày 19/6/1997 của Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Bộ Tư pháp và Bộ Tài chính, cho nên Hợp đồng tín dụng nêu trên có giá trị pháp lý thực hiện.

Theo đại diện của Ngân hàng trình bày, cũng như các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, sau khi ký kết Hợp đồng tín dụng, vào ngày 13/10/2017 Ngân hàng đã giải ngân bà Th nhận đủ số tiền là 100.000.000 đồng là đủ số vốn vay theo Hợp đồng. Bà Th phải thực hiện nghĩa vụ trả gốc và lãi cho Ngân hàng hàng tháng và trả tất vốn vay khi hết hạn hợp đồng. Sau khi vay bà Th đã trả cho Ngân hàng số tiền gốc và tiền lãi 89.908.000 đồng, trong đó tiền gốc là 63.308.000 đồng, tiền lãi là 26.600.000 đồng, nhưng sau đó thì bà Th không tiếp tục thực hiện việc trả tiền gốc và tiền lãi cho Ngân hàng theo hợp đồng. Xét thấy, bà Th thực hiện không đúng theo giao kết, đã vi phạm mục 11 của Hợp đồng mà các bên đã ký kết, bà Th là người có lỗi và là người vi phạm Hợp đồng, nên phải chịu mọi hậu quả theo giao kết và theo quy định của pháp luật. Ngân hàng khởi kiện yêu cầu bà Th trả nợ là đúng theo quy định tại Điều 25 của Quy chế cho vay của các tổ chức tín dụng đối với khách hàng do Ngân hàng Nhà Nước ban hành và Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010. Do đó, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn yêu cầu bà Th phải có trách nhiệm hoàn trả cho Ngân hàng tổng số tiền gốc và tiền lãi tính đến ngày 30/9/2021 DL là 43.620.582 đồng, trong đó: Tiền gốc là 36.692.000 đồng, tiền lãi trong hạn là 6.300.000 đồng, tiền lãi quá hạn là 628.582 đồng và tiền lãi phát sinh tính từ ngày 01/10/2021 DL cho đến ngày bà Th trả tất nợ cho Ngân hàng theo lãi suất nợ quá hạn là 12,6%/năm. Xét thấy, mức lãi suất các bên thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng tại thời điểm xác lập là phù hợp theo quy định tại Điều 11 của Quy chế cho vay của các tổ chức tín dụng đối với khách hàng do Ngân hàng Nhà Nước ban hành và Điều 13 của Thông tư số: 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 của Thống đốc Ngân hàng Nhà Nước hướng dẫn tổ chức tín dụng cho vay bằng đồng Việt Nam đối với khách hàng theo lãi suất thỏa thuận; Ngân hàng đã áp dụng tính tiền lãi đúng theo mức lãi suất mà các bên đã thỏa thuận

trong Hợp đồng tín dụng. Do vậy, người đại diện của Ngân hàng yêu cầu bà Th phải có trách nhiệm hoàn trả cho Ngân hàng Th tổng số tiền gốc và tiền lãi là 43.620.582 đồng, trong đó: Tiền gốc là 36.692.000 đồng, tiền lãi trong hạn là 6.300.000 đồng, tiền lãi quá hạn là 628.582 đồng và tiền lãi phát sinh tính từ ngày 01/10/2021 DL cho đến ngày bà Th trả tất nợ cho Ngân hàng theo lãi suất nợ quá hạn là 12,6%/năm là hoàn toàn phù hợp theo quy định tại các điều 117, điều 119, điều 398, điều 422, điều 427, điều 463 và điều 466 của Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010; Điều 13 của Thông tư số: 39/2010/TT-NHNN, ngày 30/12/2016 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và mục 3 Phần I của Thông tư liên tịch số: 01/TTLT, ngày 19/6/1997 của Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Bộ Tư pháp và Bộ Tài chính. Vì vậy, cần xử buộc bà Nguyễn Thị Thu Th phải có trách nhiệm hoàn trả cho Ngân hàng Th số tiền vay gốc và tiền lãi tính đến ngày 30/9/2021 DL là 43.620.582 đồng, trong đó: Tiền gốc là 36.692.000 đồng, tiền lãi trong hạn là 6.300.000 đồng, tiền lãi quá hạn là 628.582 đồng và tiền lãi phát sinh tính từ ngày 01/10/2021 DL cho đến ngày bà Th trả tất nợ cho Ngân hàng theo lãi suất nợ quá hạn là 12,6%/năm.

[3] Án phí dân sự sơ thẩm: Áp dụng Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Buộc bà Nguyễn Thị Thu Th phải nộp số tiền là 2.181.029 đồng án phí dân sự sơ thẩm; Ngân hàng Th không phải nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm, hoàn trả lại cho Ngân hàng Th số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 958.833 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0007891 ngày 13 tháng 5 năm 2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng.

Ngoài ra, căn cứ vào Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự, tuyên quyền kháng cáo cho các đương sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 2 Điều 92, Điều 144, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các điều 117, điều 119, điều 398, điều 422, điều 427, điều 463 và điều 466 của Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010; Điều 1, Điều 2, Điều 13 của Thông tư số: 39/2016/TT-NHNN, ngày 30/12/2016 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và mục 3 Phần I của Thông tư liên tịch số: 01/TTLT, ngày 19/6/1997 của Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Bộ Tư pháp và Bộ Tài chính; Điều 17 Luật phí và Lệ phí; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Án lệ số:

08/2016 được Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thông qua ngày 17 tháng 10 năm 2016; Điều 26 của Luật Thi hành án dân sự;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Th.

Buộc bà Nguyễn Thị Thu Th phải có trách nhiệm hoàn trả cho Ngân hàng Th số tiền vay gốc và tiền lãi tính đến ngày 30/9/2021 DL là 43.620.582 đồng *(Bốn mươi ba triệu sáu trăm hai mươi ngàn năm trăm tám mươi hai đồng)* và tiền lãi được tính tiếp từ ngày 01/10/2021 DL cho đến ngày bà Th trả tất nợ cho Ngân hàng theo lãi suất nợ quá hạn là 12,6%/năm.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm khách hàng vay còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

2. Án phí dân sự sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị Thu Th phải nộp 2.181.029 đồng *(Hai triệu một trăm tám mươi mốt ngàn không trăm hai mươi chín đồng)* án phí dân sự sơ thẩm; Ngân hàng Th không phải nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm, hoàn trả lại cho Ngân hàng Th số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 958.833 đồng *(Chín trăm năm mươi tám ngàn tám trăm ba mươi ba đồng)* theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0007891 ngày 13 tháng 5 năm 2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng.

3. Về quyền kháng cáo bản án: Ngân hàng Th có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (*Mười lăm*) ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng đối với bị đơn Nguyễn Thị Thu Th không có mặt tại phiên tòa thì có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (*Mười lăm*) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án để yêu cầu xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- VKSND huyện Trần Đề;
- Chi cục THADS huyện Trần Đề;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

Hồ Mỹ Xuyên